

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 31/2019/QĐ-TĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Bích D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Cây Cui, xã N, huyện H, tỉnh B; *địa chỉ liên hệ:* Nhà trọ Hồng, ấp Phú Hòa, phường H, Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh TR, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Pho to khắc dấu, đường H, tổ 8, khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị D và anh TR.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2019, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa

giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Bích D trình bày: Chị và anh Võ Thanh TR tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh TR không tin tưởng chị trong mọi vấn đề. Vợ chồng không quan tâm nhau, người nào biết bổn phận của người đó. Chị và anh TR đã có thời gian sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay nên không còn yêu thương, quý trọng nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Thanh TR.

Về con chung: Chị và anh TR có 02 con chung tên Võ TR Hậu, sinh ngày 15/10/2009 và Võ Thanh H, sinh ngày 03/5/2017. Hiện cháu Hậu do chị trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, cháu Hậu đang theo học bậc Tiểu học tại Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Còn cháu H đang sinh sống với anh TR và ông bà Nội ở thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận từ khi được 01 tuổi đến nay. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con, không yêu cầu anh TR phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Thanh TR trình bày: Về quá trình kết hôn như chị Phạm Bích D trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, do có bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh và chị D đã sống ly thân được khoảng 04 tháng nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về họ tên, ngày tháng năm sinh các con chung như chị D khai là đúng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Thanh H, vì cháu H ở cùng anh và ông bà nội từ lúc được 01 tuổi cho đến nay. Cháu Võ TR Hậu từ khi sinh đến năm 2017 thì sinh sống cùng ông bà ngoại tại tỉnh Bạc Liêu, đến giữa năm 2017 thì sinh sống cùng chị D tại tỉnh Bình Dương. Vì vậy nên giao cháu Hậu cho chị D nuôi dưỡng, giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh không nuôi dưỡng được cháu H thì anh có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hậu.

Về tài chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, n H việc hòa giải không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ những quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Phạm Bích D và anh Võ Thanh TR thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là đúng pháp luật.

Về con chung: Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung Võ TR Hậu và Võ Thanh H, không yêu cầu anh TR phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Hậu có nguyện vọng được ở với chị D, cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi. Chị D có thu nhập ổn định, đủ khả năng chăm sóc nuôi dưỡng tốt cho 02 con. Căn cứ vào Điều 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 02 cháu Hậu và H cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là

quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Bích D và anh Võ Thanh TR tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do thiếu sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi, gây gổ khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị D yêu cầu ly hôn thì anh TR đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị thật sự trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh TR đều thống nhất anh chị có 02 con chung là Võ TR Hậu, sinh ngày 15/10/2009 và Võ Thanh H, sinh ngày 03/5/2017. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào nguyện vọng của các bên và quyền lợi về mọi mặt của các con. Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con, còn anh TR không đồng ý. Theo lời khai của cháu Võ TR Hậu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì cháu Hậu đều có nguyện vọng được ở chung với mẹ. Cháu Võ Thanh H hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi và chị D đủ điều kiện để được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; giữa chị D và anh TR cũng không có thỏa thuận nào khác. Chị D là người có phẩm chất đạo đức tốt, có thu nhập ổn định. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật. Chị D không yêu cầu anh TR phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải xem xét trong bản án này. Anh TR có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Hiện nay cháu Võ Thanh H đang ở cùng anh TR, vì vậy cần buộc anh TR phải giao con lại cho chị D nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp thực tế.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh TR tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, n H được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Phạm Bích D ly hôn anh Võ Thanh TR.

2/ Về con chung: Giao cho chị Phạm Bích D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con Võ TR Hậu, sinh ngày 15/10/2009 và Võ Thanh H, sinh ngày 03/5/2017. Buộc anh Võ Thanh TR phải có trách nhiệm giao con Võ Thanh H cho chị Phạm Bích D nuôi dưỡng, giáo dục. Anh TR không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh TR không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Phạm Bích D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, n H được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025200 ngày 22/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị D đã nộp đủ án phí DSST.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/6/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Đ,

-Chi cục THA dân sự huyện Đ,

-UBND xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*tỉnh Bạc Liêu,
-Các đưong sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.*

Huỳnh Văn Thuận